

DANH MỤC

Thông tin công khai theo quy định của Luật tiếp cận thông tin
(Ban hành kèm theo Quy chế cung cấp thông tin thuộc phạm vi Sở Xây dựng)

1. Các thông tin phải được công khai (Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin):

1.1. Các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi:

a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

b) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

đ) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

e) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch sau khi được phê duyệt;

h) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

i) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do Sở Xây dựng ban hành;

k) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

l) Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

m) Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

n) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

1.2. Ngoài thông tin quy định tại mục 1.1 trên đây, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

2. Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin):

a) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

b) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

c) Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích cộng đồng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại điểm a, b, mục này.

3. Công khai thông tin công dân được tiếp cận theo Luật Tiếp cận thông tin do Sở Xây dựng tạo ra hoặc nắm giữ:

a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung;

b) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật);

c) Thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng;

d) Thông tin phổ biến hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở;

đ) Chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Sở;

e) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của Sở và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của Sở, người làm đầu mối yêu cầu cung cấp thông tin;

g) Thông tin tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức;

h) Thông tin các dự án do Sở làm chủ đầu tư;

i) Thông tin số điện thoại đường dây nóng và hòm thư góp ý của Sở;

k) Thông tin địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính;

l) Thông báo giá vật liệu xây dựng;

m) Thông tin dự án nhà ở xã hội;

n) Thông tin năng lực hoạt động xây dựng;

o) Thông tin tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm vật liệu xây dựng;

p) Công bố thông tin về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức.